

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 03 BC/VNECO8-HĐQT

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần xây dựng điện

VNECO 8 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

6000442866 Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Trụ sở chính : Số 10 đường Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk

Lăk Điện thoại: (0262) 3859807 – Fax: (0262) 3858921

Website: vneco8.com.vn

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: VE8

Quá trình hình thành và phát triển:

- Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tiền thân là Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên, được thành lập theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 05 năm 1999 của Tổng Công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng đội xây lắp điện 2 và Tổng đội xây lắp và Thí nghiệm điện. Là một đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc Công ty Xây lắp điện 3.

- Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Năm 2003, thực hiện Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 46/2002/NĐ-BCN ngày 22 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc tổ chức lại Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty Mẹ nhà nước trực thuộc Bộ công nghiệp và Quyết định số 54/2002/QĐ-BCN ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty xây lắp điện 3, thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con.

Thực hiện Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07 tháng 08 năm 2003 về việc Chuyển Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Quyết định số 146/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 09 năm 2003 về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định 132. Ngày 19 tháng 11 năm 2003, Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 được long trọng tổ chức, trở thành Công ty hạch toán độc lập và là Công ty Con trong hệ thống các Công ty Con của Công ty xây lắp điện 3.

Khi Công ty xây lắp điện 3 - Công ty mẹ Nhà nước cổ phần hoá theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp, Công ty cổ

phần xây lắp điện 3.8 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 theo Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006.

Công ty VNECO8 đang cơ cấu lại tài sản, từng bước ổn định trong hoạt động SXKD và phát triển công ty trong thời gian tới.

Niêm yết: Cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và chính thức chào sàn vào ngày 27 tháng 08 năm 2012 với một số nội dung như sau :

- + Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8
- + Mã cổ phiếu : VE8
- + Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá : 10.000 đồng/1 cổ phiếu
- + Tổng số lượng niêm yết : 1.800.000 cổ phiếu
- + Tổng giá trị niêm yết : 18.000.000.000 đồng

– Các sự kiện khác:

Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm cổ phần hoá:

| Tên cổ đông                              | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú        |
|------------------------------------------|------------|-----------|----------------|
| Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam   | 27.545     | 55,09     |                |
| Cổ đông là người lao động trong Công ty. | 22.455     | 44,91     | Có 146 cổ đông |

Cổ đông và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện tại:

| Tên cổ đông                                              | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú        |
|----------------------------------------------------------|------------|-----------|----------------|
| Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam                   | 1.006.809  | 55,93     |                |
| Cổ đông là người lao động trong Công ty và cổ đông khác. | 793.191    | 44,07     | Có 181 cổ đông |

## 2. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, công trình điện, nguồn điện, cấp thoát nước, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, công trình viễn thông, văn hoá, thể thao.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ; Hoạt động sản xuất mua bán điện.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Sản xuất cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn.
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông cầu, đường, cống.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí.

- Vận tải hàng hóa đường bộ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Đầu tư kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới.
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển nghề nghiệp.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng : Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; hàng trang trí nội thất – ngoại thất.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Cho thuê xe có động cơ.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Cơ sở lưu trú khác.
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần, trái phiếu.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - + Đại hội đồng cổ đông.
  - + Hội đồng quản trị.
  - + Ban kiểm soát.
  - + Ban giám đốc.
  - + Hệ thống các Phòng ban, Nhà máy, Đội, Tổ sản xuất trực thuộc.
- Các công ty con: Công ty không có công ty con.

### **4. Định hướng phát triển:**

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Các mục tiêu định hướng chủ yếu của Công ty: Trong điều kiện kinh tế hiện nay, Công ty phấn đấu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới mức tăng trưởng doanh thu.

Tập trung thi công hoàn thành các công trình đã trúng thầu, nhận thầu xây lắp các công trình khác khi có đủ điều kiện.

+ Mục tiêu trong năm 2025 :

- Doanh thu: Ban Giám đốc đang rà soát, trình HĐQT;
- Lợi nhuận trước thuế : Ban Giám đốc đang rà soát, trình HĐQT.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty sẽ phát triển đa ngành đa nghề: Sản xuất công nghiệp, dân dụng, giao thông, đầu tư các nhà máy điện độc lập, sản xuất và kinh doanh điện, kinh doanh bất động sản, thương mại, kinh doanh vận tải,... nhưng vẫn lấy ngành xây lắp điện làm trọng tâm, nhằm giảm bớt rủi ro, phát triển sản xuất, cơ sở vật chất gắn liền với việc liên danh liên kết với các đơn vị khác.

### **5. Các rủi ro:**

**a. Rủi ro ngành:**

Là đơn vị xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp luôn có thời gian kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao thường được thực hiện theo từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó còn phụ thuộc vào tiến độ cung cấp hàng hóa của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án...; Điều kiện lao động vừa thi công các công việc phần ngầm dưới đất, vừa thi công các công việc trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; Nguyên nhiên vật liệu thường chiếm tỉ trọng chi phí lớn trong xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả ảnh hưởng lớn đến doanh thu và thu nhập của doanh nghiệp.

Công ty đang cố gắng trong công tác nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành các công trình để chủ động hơn về nguồn vốn nâng cao khả năng luân chuyển vốn nhanh nhất, đảm bảo cho hoạt động SXKD của công ty. Thường xuyên chăm lo đến đời sống của người lao động, luôn tổ chức tập huấn, huấn luyện về công tác an toàn trong lao động sản xuất nhằm đảm bảo và tránh rủi ro.

**b. Rủi ro môi trường:**

Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện và sản xuất công nghiệp Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh như rác thải công nghiệp, tiếng ồn...

Công ty luôn tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công, sản xuất mới và đầu tư công nghệ tiên tiến hơn để giảm thiểu tác động này.

**c. Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Vì vậy phải luôn cập nhật thông tin nhằm đưa ra các biện pháp kịp thời phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc thực hiện các quy định theo pháp luật hiện hành.

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

**1. Tổng tài sản đến ngày 31/12/2024 : 92.853.996.708 đồng**

- Tài sản ngắn hạn : 88.592.026.684 đồng
- Tài sản dài hạn : 4.261.968.905 đồng

**2. Tổng nguồn vốn đến ngày 31/12/2024 : 92.853.996.708 đồng**

- Nợ phải trả : 112.061.515.544 đồng
- Vốn chủ sở hữu : -19.207.518.836 đồng

**3. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024:**

Năm 2024 là năm Công ty hoạt động không có hiệu quả, Công ty luôn luôn nằm trong tình trạng thiếu vốn để hoạt động SXKD dẫn đến doanh thu thấp trong khi các chi phí khác cũng tăng do đó lỗ nặng :

- Doanh thu và thu nhập khác : 27,57 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : -20,28 tỷ đồng.

**4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

Từng bước ổn định SXKD, tập trung thi công các công trình đã ký kết hợp đồng với chủ đầu tư, tìm kiếm các công trình mới nhằm duy trì và phát triển.

Tái cấu trúc lại tài sản của công ty, tạo dòng vốn lưu động để tập trung vào hoạt động SXKD.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

#### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT Năm 2024**

Bảng cân đối kế toán

| Stt        | Nội dung                            | Số dư cuối năm         | Số dư đầu năm          |
|------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>88.592.026.684</b>  | <b>100.101.594.855</b> |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 5.015.905.422          | 738.147.886            |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0                      | 11.572.784.190         |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 48.206.774.733         | 43.456.171.126         |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 35.212.381.429         | 44.276.248.439         |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 156.965.100            | 103.243.214            |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>4.261.968.905</b>   | <b>5.759.100.726</b>   |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          |                        |                        |
| 2          | Tài sản cố định                     | 4.224.191.893          | 5.452.193.727          |
|            | - TSCĐ hữu hình                     | 2.966.714.893          | 4.194.716.727          |
|            | - TSCĐ vô hình                      | 1.257.477.000          | 1.257.477.000          |
| 3          | Tài sản dở dang dài hạn             | 0                      | 82.045.872             |
| 4          | Tài sản dài hạn khác                | 37.777.020             | 224.861.127            |
|            | <b>Tổng tài sản</b>                 | <b>92.853.996.708</b>  | <b>105.860.695.581</b> |
| <b>III</b> | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>112.061.515.544</b> | <b>104.783.906.394</b> |
| 1          | Nợ ngắn hạn                         | 111.592.977.414        | 104.315.368.264        |
| 2          | Nợ dài hạn                          | 468.538.130            | 468.538.130            |
| <b>IV</b>  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>-19.207.518.836</b> | <b>1.076.789.187</b>   |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                      | 18.000.000.000         | 18.000.000.000         |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 18.000.000.000         | 18.000.000.000         |
|            | - Quỹ đầu tư phát triển             | 509.956.126            | 509.956.126            |
|            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -37.714.474.962        | -17.433.166.939        |
| 2          | Nguồn kinh phí và quỹ khác          |                        |                        |
|            | <b>Tổng nguồn vốn</b>               | <b>92.853.996.708</b>  | <b>105.860.695.581</b> |

## 2. Kết quả hoạt động kinh doanh

| Stt | Chỉ tiêu                             | Năm 2024        | Năm 2023        |
|-----|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ      | 27.574.940.603  | 33.926.987.969  |
| 2   | D.thu thuần về bán hàng &CC Dvụ      | 27.574.940.603  | 33.926.987.969  |
| 3   | Giá vốn hàng bán                     | 37.263.336.139  | 36.484.019.168  |
| 4   | LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ      | -9.688.395.536  | -2.557.031.199  |
| 5   | Doanh thu hoạt động tài chính        | 27.342.885      | 584.577.810     |
| 6   | Chi phí hoạt động tài chính          | 8.414.328.457   | 7.077.877.136   |
| 7   | Chi phí bán hàng                     |                 |                 |
| 8   | Chi phí quản lý doanh nghiệp         | 2.092.729.545   | 2.725.006.830   |
| 9   | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD      | -20.168.110.653 | -11.775.337.355 |
| 10  | Thu nhập khác                        |                 |                 |
| 11  | Chi phí khác                         | 116.197.370     | 66.817.300      |
| 12  | Lợi nhuận khác                       | -116.197.370    | -66.817.300     |
| 13  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế    | -20.284.308.023 | -11.842.154.655 |
| 14  | Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành |                 |                 |
| 15  | Lợi nhuận sau thuế                   | -20.284.308.023 | -11.842.154.655 |
| 16  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu             | -11.269         | -6.578          |

## 3. Báo cáo một số chỉ tiêu cơ bản hoạt động sản xuất kinh doanh:

| TT | Chỉ tiêu            | ĐVT    | Thực hiện năm 2023 | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Tỉ lệ % | Tỉ lệ % |
|----|---------------------|--------|--------------------|-------------------|--------------------|---------|---------|
| 1  | 2                   | 3      | 4                  | 5                 | 6                  | 7=(6/5) | 8=(6/4) |
| 1  | Doanh thu, thu nhập | Tỷ.đ   | 33,92              | 30,0              | 27,57              | 0.92%   | 0.81%   |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế  | Tỷ.đ   | -11,84             | 0,10              | -20,28             |         |         |
| 3  | Thu nhập bình quân  | Tr.đ/t | 6,60               | 8,50              | 7,20               | 0.85    | 1.09    |

## 4. Kế hoạch năm 2024:

- Doanh thu: 30.000 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 100 triệu đồng
- Thu nhập bình quân (người/tháng): 8 , 50 triệu đồng.

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và đã được công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và công bố trên Website của Công ty.

## V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập :

**Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 được lập ngày //2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 31/12/2024 Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản Phải thu khách hàng với số tiền là 26.117.986.286 VND, Trả trước cho người bán là 16.433.818.357 VND, Phải thu ngắn hạn khác là 5.509.011.705 VND được trình bày chi tiết tại các Thuyết minh số 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đánh giá của Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của các khoản công nợ trên tại ngày 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Như trình bày tại Thuyết minh số 5.7 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2024 với số tiền là 34.035.236.760 VND. Đây là chi phí dở dang của các công trình xây lắp đã thực hiện từ nhiều năm trước nhưng chưa được nghiệm thu quyết toán. Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hợp lý và khả năng thu hồi của khoản chi phí này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này hay không, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 23.000.949.611 VND. Đồng thời, Công ty có các khoản nợ quá hạn thanh toán gồm các khoản phải trả bảo hiểm là 2.067.283.510 VND, các khoản vay với tổng số dư là 60.640.925.924 VND (trong đó vay ngân hàng là 53.059.756.300 VND) và lãi vay quá hạn là 11.758.678.201 VND. Trong năm, Công ty hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ 20.284.308.023 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 số tiền 37.717.474.962 VND dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu 19.207.518.836 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 10/4/2024 về việc kiểm toán viên tiền nhiệm chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ phải thu của Công ty TNHH Ecoplastics Solutions số tiền 18.595.771.229 VND đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng theo điều khoản của hợp đồng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

## **2. Kiểm toán nội bộ:**

Ý kiến kiểm toán nội bộ:

Các nhận xét đặc biệt: Không

## **VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:**

*Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức công ty nắm giữ:*

- Tổng Công cổ phần xây dựng điện Việt Nam nắm giữ 55,93% cổ phần, ngoài ra không có tổ chức nào là cổ đông lớn của Công ty (Cổ đông chiếm 5% vốn điều lệ trở lên).

## **VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:**

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc.
- Hệ thống các phòng ban, Nhà máy, Đội, Tổ sản xuất trực thuộc.

## 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

### a. Hội đồng quản trị:

**1. Ông: LÊ VĂN KHÔI** Giới tính: Nam. Ngày tháng năm sinh: 30/10/1974

Nơi sinh: Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam. Quê quán: Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ thường trú: Tổ 91, K47/12 Lê Bá Trinh, P. Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số CCCD: 051074012506 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/06/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

**2. Ông: NGUYỄN CÔNG DIỆU** Giới tính: Nam. Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975

Nơi sinh: Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Quê quán: Thị trấn Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã Cư Ê Bua, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CCCD: 045075000275 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/03/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

**3. Ông: TÓNG ĐÌNH THẮNG** Giới tính: Nam.

Địa chỉ thường trú: Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Số CCCD: 036074001959 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

**4. Bà: NGUYỄN THỊ HÓA** Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 16/08/1974

Nơi sinh: Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Triệu Phước, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: 05 Phan Huy Chú, P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.

Số CCCD: 405174004432 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/08/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

**b. Ban Giám đốc**

**1. Ông: NGUYỄN CÔNG DIỆU** Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975

Nơi sinh: Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Thị trấn Ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã Cư Ê Bua, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CCCD: 045075000275 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/03/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện Vneco 8.

**2. Ông: PHAN THANH HOÀNG** Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 17/12/1975

Nơi sinh: KP4, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: KP4, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: KP4, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Số CCCD: 045075007613 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/02/2022.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

**c. Ban kiểm soát:**

**1. Ông: VÕ QUANG** Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1977

Nơi sinh: Thành phố Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam. Quê quán: P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Địa chỉ thường trú: 31 Huy Cận, Q Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Số CCCD: 048077005378 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/06/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Phó phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

**2. Ông: TRẦN NGỌC BÁU** Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 28/10/1975

Nơi sinh: TP Vinh, Nghệ An.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: 37 Y Ôn, TP. Buôn Ma Thuột.

Số CCCD: 040075000901 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/03/2021.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

**3. Bà: NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH** Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 25/11/1983

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú: Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Số CCCD: 051183001286 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2024.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

**4. Bà: NGUYỄN THỊ BÍCH HƯƠNG** Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 06/04/1975

Nơi sinh: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định.

Địa chỉ thường trú: 104/9A Mai Hắc Đế, P. Tân Thành, TP Buôn Ma Thuột.

Số CCCD: 036175021643 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/08/2022.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ.

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO8.

**d. Kế toán trưởng:**

**Ông: Nguyễn Hữu Đăng** Giới tính: Nam. Ngày tháng năm sinh: 01/11/1972

Nơi sinh: Đại Hòa, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam. Quê quán: Đại Hòa, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Đại Hòa, Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị.

Số CCCD: 045072014972 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/02/2022.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8, phụ trách quản trị kiêm thư ký, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

## VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

| Stt | Diễn giải         | Số lượng | Trong đó Thành viên độc lập |
|-----|-------------------|----------|-----------------------------|
| 1   | Hội đồng quản trị | 03       | 02                          |
| 2   | Ban Kiểm soát     | 03       | 03                          |

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (kể cả số cổ phần được công ty mẹ ủy quyền):

| Stt | Họ tên                | Chức vụ                       | SL cổ phần sở hữu | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------------------|-------------------|-----------|---------|
| 1   | Lê Văn Khôi           | Chủ tịch HĐQT                 | 450.000           | 25,00     |         |
| 2   | Nguyễn Công Diệu      | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 199.029           | 11.06     |         |
| 3   | Tổng Đình Thắng       | Thành viên HĐQT               | 0                 | 0         |         |
| 4   | Nguyễn Thị Hóa        | Thành viên HĐQT               | 0                 | 0         |         |
| 5   | Võ Quang              | Tr. Ban kiểm soát             | 360.000           | 20,00     |         |
| 6   | Trần Ngọc Báu         | TV. Ban kiểm soát             | 2.900             | 0,16      |         |
| 7   | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | TV. Ban kiểm soát             | 0                 | 0         |         |
| 8   | Nguyễn Thị Bích Hường | TV. Ban kiểm soát             | 0                 | 0         |         |
| 9   | Phan Thanh Hoàng      | P. Giám đốc                   | 0                 | 0         |         |
| 10  | Nguyễn Hữu Đăng       | Kế toán trưởng                | 0                 | 0         |         |

### 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

#### 2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

| Stt | Diễn giải                                                   | SLCĐ | SL cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------|------|------------|-----------|---------|
| 1   | Tổng Cty CP xây dựng điện Việt Nam                          | 01   | 1.006.809  | 55,93     |         |
| 2   | CBCNV Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 và cổ đông khác | 176  | 775.291    | 43.07     |         |

#### Cổ đông lớn là tổ chức

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề hoạt động:

Xây lắp các công trình điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, Các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.

Thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện BTLT, các sản phẩm bê tông khác, kinh doanh các chủng loại VLXD, ...

Sản xuất, kinh doanh điện, ...

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật, ...

## 2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:

| Stt | Diễn giải                                         | SLCĐ | SL cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú                  |
|-----|---------------------------------------------------|------|------------|-----------|--------------------------|
| 1   | Choi Eun Hee                                      | 1    | 600        | 0,03      | Cập nhật ngày 31/05/2024 |
| 2   | LAI, CHENG - YU                                   | 1    | 5.700      | 0.32      | Cập nhật ngày 31/05/2024 |
| 3   | Lee Jun Ho                                        | 1    | 7.400      | 0,41      | Cập nhật ngày 31/05/2024 |
| 4   | Yamazaki Atsushi                                  | 1    | 200        | 0,01      | Cập nhật ngày 31/05/2024 |
| 5   | Finansia Syrus Sencurities Public Company Limited | 1    | 4.000      | 0,22      | Cập nhật ngày 31/05/2024 |

Buôn Ma Thuột, ngày 04 tháng 04 năm 2025



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**LÊ VĂN KHÔI**